TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/HNGĐ-ST
Ngày 10-02-2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Phương;

2. Bà Nguyễn Thị Phin.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đức Trung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 ngày 12 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐXX-ST ngày 19 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số A N, phường N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1988; nơi ở hiện nay: Số A ngõ C Quốc lộ E mới, phường H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H *trình bày*:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, (nay là phường H), thành phố Hải Phòng vào ngày 05/4/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách, không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay vợ chồng đã ly thân, chị H về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 3/2024 cho đến nay. Vợ chồng

không còn quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Xét thấy mâu thẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn H1.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn H1 có một con chung là cháu Phạm Nguyễn Nhật M, sinh ngày 03/9/2012. Chị H đề nghị Toà án giao con cho anh Phạm Văn H1 được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật vì hiện nay cháu M đang ở cùng bố và ông bà nội, được ông bà chăm sóc chu đáo, cháu học ở gần nhà.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh H1 tự thoả thuận không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn H1 tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn là anh* Phạm Văn H1*:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng đã tống đạt hợp lệ các thông báo, Quyết định của Tòa án nhưng anh H1 đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh; mặt khác, anh H1 cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh H1 đều vắng mặt.

- *Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:* Chị H và anh H1 là vợ chồng, quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn riêng trong nội bộ gia đình nhưng chưa đến mức gây ảnh hưởng đến địa phương. Khoảng năm 2024 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, không còn ở với anh H1 nữa. Nay chị H có đơn xin ly hôn với anh H1, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật; về con chung: Anh chị có con chung là cháu Phạm Nguyễn Nhật M, sinh năm 2012, hiện nay cháu đang ăn ở sinh hoạt cùng với anh H1 và bố mẹ đẻ anh H1. Đề nghị Toà án xem xét giao con cho ai nuôi để đảm bảo quyền lợi của cháu. Về tài sản chung: địa phương không nắm được anh chị có những tài sản chung gì.

- *Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng*: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H, xử chị H được ly hôn anh Phạm Văn H1; về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Nguyễn Nhật M cho anh Phạm Văn H1 được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh H1 tự thoa thuận nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết; về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định của pháp luật; về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con, bị đơn là anh Phạm Văn H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại phường H, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Phạm Văn H1 vắng mặt mặc dù đã được tống đạt, thông báo hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, (nay là phường H), thành phố Hải Phòng vào ngày 05/4/2012 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn, đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H1 đến Tòa án để lấy lời khai về việc chị H có đơn xin ly hôn, nhưng anh H1 không hợp tác, cũng không có văn bản thể hiện quan điểm của mình. Không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không có mặt tại phiên tòa. Điều này thể hiện anh H1 không có ý thức hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Văn H1 là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị H và anh H1 có một con chung là cháu Phạm Nguyễn Nhật M, sinh ngày 03/9/2012. Chị H có nguyện vọng giao con cho anh H1 được trực tiếp nuôi dưỡng với lý do hiện nay cháu M đang ở cùng anh H1 và ông bà nội, được anh H1 và ông bà nội chăm sóc chu đáo, cháu đang học tại

trường ở gần nhà và có nguyện vọng được ở cùng bố. Anh H1 đã nhận được các thông báo hợp lệ của Toà án về việc thụ lý vụ án và biết quan điểm của chị H về việc đề nghị giao con cho anh nuôi và không có ý kiến phản đối. Do đó, chấp nhận yêu cầu trên của chị H, Hội đồng xét xử giao cháu Nhật M cho anh H1 được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh H1 tự thoả thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị H và anh H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Văn H1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Nguyễn Nhật M, sinh ngày 03/9/2012 cho anh Phạm Văn H1 được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thoả thuận nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai số 0007559

ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng; chị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn H1 (vắng mặt) tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 3 – Hải Phòng;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Hải Phòng;
- UBND phường Hồng Bàng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quỳnh Như